| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 173/2026/QĐST-HNGĐ | *Vĩnh Long, ngày 20 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 288/2026/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 2001.

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã N1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1998.

Địa chỉ cư trú: ấp D, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Đức H.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

**2.1. Về con chung:**

Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 22/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 12/5/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.2. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Đức H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006717 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 225.000đ *(Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Bé T.

Anh Nguyễn Đức H có nghĩa vụ nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)* án phí ly hôn và 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long;
- UBND xã Ngãi Tứ, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 06/01/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy An**